

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 14/2018/HS-ST

Ngày: 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Thắm
2. Ông Nguyễn Văn Ghên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trị - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thúy D; Vợ Nguyễn Thị Q; Tiền sự: Không; Tiền án: Có một tiền án, tại bản án số 55/2016/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xử phạt Nguyễn Duy T 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” (tài sản chiếm đoạt có giá trị 3.000.000 đồng) Nguyễn Duy T chấp hành xong hình phạt tù ngày 25 tháng 6 năm 2016, tạm giam từ ngày 06/12/2017 cho đến nay (có mặt);

Người bị hại: Ông Lê Nho B, sinh năm 1979, trú tại ấp N, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, trú tại ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xin vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953, trú tại 218A, khu vực O, thị trấn G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27 tháng 8 năm 2017, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Duy T điều khiển xe mô tô biển số 62F5-5999 đến khu vực ấp 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, để tìm tài sản để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Tại đây, bị cáo T nhìn thấy xe ô tô tải biển số 54Y-0462 của ông Lê Nho B đang đậu tại khu đất trống không có người trông giữ. Bị cáo T lén lút tiếp cận xe ô tô biển số 54Y-0462, mở cửa xe và trộm cắp một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, số sim 0971344144 của ông B đang để trong cốp xe ô tô và bỏ trốn. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2017, bị cáo T đem điện thoại di động này đến cửa hàng mua bán điện thoại di động hiệu Hoài P của bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, thuộc ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bán cho bà M với giá 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Qua tố cáo của ông B, lực lượng Công an xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã truy tìm và thu hồi được điện thoại di động bị cáo T trộm của ông B để điều tra xử lý và quá trình làm việc với cơ quan điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52/KL.ĐGTS ngày 20/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa đã kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4 mà bị cáo Tân đã lấy trộm của ông B có giá trị thành tiền là 747.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 62F5-5999 có số máy là LX1P52FMHY-0090172, số khung: 00090295, xe do bà ngoại của bị cáo Nguyễn Duy T là bà Nguyễn Thị H, đứng tên đăng ký chủ quyền, ngày 27/8/2017 bà H cho bị cáo T mượn xe mô tô biển số 62F5-5999 để sử dụng và không biết việc bị cáo T dùng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện phạm tội.

Tang vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Nho B một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, số sim 0971344144 bị cáo T đã trộm nói trên theo biên bản trả tài sản ngày 01 tháng 12 năm 2017 và trao trả cho bà Nguyễn Thị H một xe mô tô biển số 62F5-5999 theo biên bản trả tài sản ngày 02 tháng 12 năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Nho B sau khi nhận lại tài sản là điện thoại di động bị mất trộm và bà Nguyễn Thị H sau khi nhận lại xe mô tô biển số 62F5-5999 không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 400.000 đồng mà bị cáo T trộm điện thoại của ông B bán cho bà M, bà M yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền này, bị cáo đồng ý trả cho bà M nên buộc bị cáo T trả lại cho bà M số tiền 400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 18/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Duy T gây ra; Đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Theo khoản 1 Điều 173

Bộ luật hình sự 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T với mức hình phạt tù từ 09 tháng cho đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Nho B và bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu nên không đề cập xem xét. Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 400.000 đồng.

Về tang vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử lý xong, không đề cập đến xem xét.

Bị cáo hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Theo lời trình bày của người bị hại ông Lê Nho B tại Cơ quan điều tra: Vào ngày 27/8/2017 ông điều khiển xe ô tô biển số 54Y-0462 đến nhà của anh Sa ở ấp 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để mua phế liệu sắt, khi điều khiển xe đến nhà của anh S thì ông cho xe đậu vào hướng nhà kho ông có để trên cabin xe một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4 số sim 0971344144, sau đó ông vào nhà kho khoảng 20 phút sau ông trở lại xe để lấy điện thoại thì phát hiện bị mất, ông có nói cho anh S biết việc ông vừa bị mất điện thoại ở trong ca bin xe ô tô, sau đó ông có đến báo cho Công an xã Đ và có làm tờ có mất tài sản, cho đến ngày 01 tháng 12 năm 2017 thì Công an huyện Đức Hòa có mời ông đến nhận lại tài sản đã bị mất, nay ông đã nhận lại tài sản đã bị mất là một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, ông không yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự về phân trách nhiệm hình sự thì ông đề nghị xử theo pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H trình bày tại Cơ quan điều tra: Bà là người đứng tên sở hữu chiếc xe mô tô biển số 62F5-5999 vào ngày 27/8/2017 bà có cho Nguyễn Duy T mượn xe này để đi công việc sau đó T dùng xe này để đi trộm cắp tài sản, sự việc trên bà không biết, chiếc xe này là của bà nay bà đã nhận lại xe xong bà không yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

Bà Nguyễn Thị M trình bày tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa vào ngày 28 tháng 8 năm 2017: Bà là chủ cửa hàng mua bán điện thoại di động Hoài P bà có mua một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4 do bị cáo T đem bán cho cửa hàng của bà, bà không biết đây là tài sản bị cáo T đã trộm bà mua với giá 400.000 đồng, hiện nay điện thoại này bà đã giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho người bị mất trộm. Bà yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho bà 400.000 đồng mà trước đây bà mua điện thoại của bị cáo T lấy trộm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trước tòa, bị cáo Nguyễn Duy T thừa nhận vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 27 tháng 8 năm 2017, tại ấp 2, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bị cáo Nguyễn

Duy T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Nho B một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S4, số sim 0971344144, có giá trị thành tiền là 747.000 đồng, sau đó bị cáo T đem điện thoại di động này bán cho một cửa hàng mua bán điện thoại hiệu là Hoài Phú của bà Nguyễn Thị M và bán cho bà M với giá là 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, cơ quan Công an điều tra đã tiến hành thu giữ được điện thoại di động bị cáo Nguyễn Duy T trộm cắp của ông B để điều tra xử lý và quá trình làm việc với cơ quan điều tra bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy T không tranh luận với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi, tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã truy tố bị cáo ra trước tòa.

[3]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Duy T phù hợp với lời khai của người bị hại là ông Lê Nho B và lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị M, phù hợp với những người làm chứng như ông Trần Văn Ch, ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Văn S, phù hợp với kết luận định giá tài sản số 52/KL.ĐGTS ngày 20 tháng 9 năm 2017 và các tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội danh, điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Duy T gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác - quyền này được pháp luật Hình sự bảo vệ nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản của ông Lê Nho B mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật Hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục - răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án hình sự về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án, lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi áp dụng hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần. Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Duy Tân là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Nho B và bà Nguyễn Thị H sau khi nhận lại tài sản xong không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị M có yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 400.000 đồng mà bà M đã mua điện thoại của bị cáo T. Tại tòa, bị cáo T đồng ý trả lại cho bà M số tiền 400.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tất cả sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2017, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Duy T 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/02/2018) để đảm bảo công tác kháng nghị, kháng cáo và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 400.000 đồng

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Duy T nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tất cả sung vào công quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm công khai, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án. Riêng đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSNĐ, CA huyện Đức Hòa;
- Thi hành án huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài